

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2025

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh N

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn N

2. Lương Văn K

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị P - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đào Thị Q M - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2024/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1992.

Bị đơn: Chị Đàm Thị T, sinh năm 1995.

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

(Đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 27/4/2022.

HKTT: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo pháp luật cho cháu P: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Đàm Thị T là bố, mẹ đẻ của cháu.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1970. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn Anh Nguyễn Xuân Q trình bày:

Anh Nguyễn Xuân Q và chị Đàm Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 22/02/2021 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, do chưa hiểu hết tính cách và nếp sống của từng dân tộc nên anh chị có rất nhiều sự khác biệt, anh chị cũng đã rất cố gắng nhưng không thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh Q đã rất cố gắng chỉ bảo để chị T thích nghi được với tập quán nhưng chị T cho rằng anh Q coi thường nhận thức của chị T nên vợ chồng cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, anh chị không thể chia sẻ hay bàn bạc các vấn đề trong cuộc sống kể cả việc nuôi dạy con cái. Lâu dần anh chị không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Chị T đã chuyển ra ngoài sống vào khoảng tháng 8/2023 khi đó con chung của anh chị mới được 14 tháng tuổi, chị T làm gì, đi đâu anh Q và gia đình không ai biết. Anh chị đã cùng nhau suy ngẫm về hôn nhân của anh chị nhưng cũng không thể tìm ra giải pháp tốt hơn. Anh chị không thể mang lại hạnh phúc cho nhau và đã sống ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, không phụ thuộc nhau về kinh tế, không tìm được tiếng nói chung.

Nay anh Q xác định không còn tình cảm với chị T. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho anh được ly hôn với chị T để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Q, chị T có 01 con chung là Nguyễn Tiến P, sinh ngày 27/4/2022. Hiện cháu P đang ở với anh Q. Anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P và anh tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập chị Đàm Thị T đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai nhưng chị T đều vắng mặt. Tòa án có đến gia đình anh Q, chị T để thu thập chứng cứ, xác định quan điểm của chị T về việc anh Q yêu cầu ly hôn với chị nhưng chị T đều không có nhà nên Tòa án đã cùng địa P đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 16/02/2025, chị T đã đến Tòa án nhân dân huyện T nộp bản trình bày quan điểm ý kiến và đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn giải quyết vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn trình bày ý kiến nguyện vọng ngày 16/02/2025 chị T trình bày: Chị đã biết được Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa anh Q với chị. Chị Xác định không còn tình cảm với anh Q và đã sống ly thân nên chị đồng ý ly hôn với anh Q; Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 27/4/2022. Do tính chất công việc của chị bận nên chị đề nghị Tòa án giao cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng.

Xác minh tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên thể hiện: Anh Q và chị T có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 07/2021 ngày 22/02/2021. Theo Ủy ban nhân dân xã cung cấp: Vợ chồng anh Q chị T sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì mâu

thuần, có xảy ra tranh cãi, to tiếng. Anh Q chị T đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại địa P. Nay anh Nguyễn Xuân Q có đơn xin ly hôn với chị Đàm Thị T, quan điểm của UBND xã N, huyện T là đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn P là bố đẻ của anh Nguyễn Xuân Q trình bày: Anh Q và chị T được tự do tìm hiểu nhưng do khác biệt về dân tộc nên sau khi kết hôn anh chị thường xảy ra mâu thuẫn. Chị T chưa thích nghi được với tập quán cũng như lối sống của gia đình ông nên anh chị không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không có hạnh phúc. Anh Q chị T đã sống ly thân hơn 01 năm. Quan điểm của ông P: Hôn nhân của anh Q và chị T không hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Q và chị T được ly hôn.

Ngày 26/02/2025, anh Nguyễn Xuân Q đã có đơn từ chối mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Với lý do, trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị T bận nên thường xuyên vắng mặt tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Q và bị đơn chị Đàm Thị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân Q. Xử cho anh Nguyễn Xuân Q được ly hôn với chị Đàm Thị T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 27/4/2022. Hiện cháu P đang ở với anh Q. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu P cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Q phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân Q yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Đàm Thị T có nơi cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử. Xét thấy, đó là ý trí tự nguyện của anh Q và chị T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Đàm Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 07/2021 ngày 22/02/2021 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn được một thời gian thì anh chị sống đã không hạnh phúc. Nguyên nhân do khác biệt về sinh hoạt của hai dân tộc nên chị T chưa thể thích nghi được với nếp sinh hoạt của gia đình anh Q, anh chị đã cố gắng nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp mà càng mâu thuẫn nhiều hơn, cãi vã, bất đồng quan điểm xảy ra thường xuyên, cuộc sống gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Anh Q đã cố gắng chia sẻ với chị T để vợ chồng hiểu nhau hơn nhưng vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng. Chị T đã chuyển ra ngoài sống và anh chị đã ly thân hơn một năm, không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập. Đến nay anh Q vẫn kiên quyết xin được ly hôn với chị T. Sau khi biết thông tin anh Q yêu cầu ly hôn với chị qua các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án niêm yết tại địa P và gia đình, chị T đã đến Tòa án nộp bản trình bày ý kiến quan điểm và đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Chị T cũng trình bày quan điểm vợ chồng đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau nên chị đồng ý ly hôn với anh Q. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho anh Q được ly hôn chị T là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật HNGĐ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 27/4/2021. Hiện tại cháu đang ở cùng anh Q.

Xét đề nghị của anh Q cũng như quan điểm của chị T: Anh Q xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P. Trong đơn trình bày quan điểm chị T cũng tự nguyện giao cháu P cho anh Q chăm sóc. Do vậy, HĐXX sẽ giao cháu Nguyễn Tiến P cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Q tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện này của

anh Q.

Chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Các đương không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân Q phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6]. Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Nguyễn Xuân Q được ly hôn với chị Đàm Thị T.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Xuân Q và chị Đàm Thị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 27/4/2022.

Giao cháu Nguyễn Tiến P cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/24 số 0001086 ngày 25/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N (CNKH số 07/2021);
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh N